

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa (1098702)

Chương: 417

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ THỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-SKHCN ngày 03/01/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ)

DVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	KP đã phân bổ	Trong đó			
				Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Trung tâm Thông tin ứng dụng và KHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4 = 5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
II	Số thu phí, lệ phí	157	157	152	5	-	-
1	Lệ phí	7	7	2	5	-	-
	Lệ phí cấp giấy phép an toàn bức xạ; nhân viên an toàn bức xạ	2	2	2			
	Lệ phí công bố hợp quy	5	5		5		
2	Phí	150	150	150	-	-	-
	Phí thẩm định hoạt động an toàn bức xạ	140	140	140			
	Phí thẩm định hoạt động khoa học công nghệ	10	10	10			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	128	128	128	-	-	-
1	Chi sự nghiệp khoa học						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính	128	128	128	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	128	128	128			
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	29	29	24	5	-	-
1	Lệ phí	7	7	2	5	-	-
	Lệ phí cấp giấy phép an toàn bức xạ; nhân viên an toàn bức xạ	2	2	2			
	Lệ phí công bố hợp quy	5	5		5		
2	Phí	22	22	22	-	-	-
	Phí thẩm định hoạt động an toàn bức xạ	21	21	21			
	Phí thẩm định hoạt động khoa học công nghệ	1	1	1			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.852	33.852	25.000	5.572	3.257	23
I	Chi quản lý hành chính	5.840	5.840	3.651	2.189	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.752	5.752	3.581	2.171		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	88	88	70	18		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	28.012	28.012	21.349	3.383	3.257	23
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH công nghệ	14.479	14.479	14.479	-	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	KP đã phân bổ	Trong đó			
				Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Trung tâm Thông tin ứng dụng và KHCN	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
	- Nhiệm vụ KH công nghệ cấp quốc gia	-	-				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	-				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cơ sở	14.479	14.479	14.479			
2.2	KP nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.266	1.266			1.266	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.267	12.267	6.870	3.383	1.991	23
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
II	Nguồn vốn Viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						